

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2021/HS-ST**

Ngày: 28-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lê Thị Hoàng Diễm**

2/ Ông **Trần Trọng Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc S, sinh ngày 07/12/1993 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Trần Thị Yến M; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/8/2017 bị Công an huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Minh Đ, sinh ngày 03/11/1997; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc M; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Tấn T, sinh năm 1990. Trú tại: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

- Người chứng kiến:

+ Nguyễn Thị Liên M, sinh năm 1960. Trú tại: Ấp E, xã F, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Vắng mặt).

+ Võ Thiện C, sinh năm 1983. Trú tại: Ấp E, xã F, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

+ Trần Trường Thanh G, sinh năm 1984. Trú tại: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc S và Trần Minh Đ là bạn bè quen biết với nhau và cả hai đều nghiện ma túy. Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 10/4/2021, Trần Ngọc S rủ Trần Minh Đ đi mua ma túy về sử dụng thì được Đ đồng ý. Đ dùng xe mô tô biển số 59S1-526.77 chở S từ nhà của Sơn tại ấp E, xã F, huyện C, tỉnh Bến Tre đi đến khu vực cầu vượt Nguyễn Văn L, thuộc huyện H, thành phố Hồ Chí Minh mua 02 bịch ma túy của một người phụ nữ tên B khoảng 50 tuổi (không rõ lai lịch) giá 5.000.000 đồng. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô 59S1-526.77 chở S quay về. Đến 07 giờ 45 phút cùng ngày, Khi cả 02 về đến lộ Tam Dương, khu vực thuộc ấp E, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an xã E yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Do Đ và S không xuất trình được giấy tờ tùy thân, nên lực lượng công an xã E đưa Đ và S về trụ sở Công an xã để làm việc. Khi lực lượng Công an xã yêu cầu S và Đ lấy hết đồ vật trong người ra để kiểm tra thì S lấy từ trong túi quần Jean phía trước, bên trái ra 01 túi nylon màu đen có quần dây thun màu vàng bên ngoài, bên trong có 02 túi ny lon màu trắng, hàn kín có chứa ma túy.

Tang vật thu giữ gồm: 02 túi ny lon màu trắng, hàn kín, bên trong có chứa chất bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M; 01 túi nylon màu đen; 01 sợi dây thun màu vàng; 01 điện thoại hiệu Samsung J3 màu vàng đồng; 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen, model TA-1203, số IMEI 357732107388537 và 01 sim thuê bao 0379820237; 01 xe mô tô biển số 59S1-526.77; Tiền mặt 5.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 33/2021/GĐMT ngày 13/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy loại: Heroine, khối lượng 7,1277 gam. Hoàn lại cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu M sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 6,5198 gam.

Cáo trạng số 65/CT-VKSCT ngày 30/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Ngọc S, Trần Minh Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S, Trần Minh Đ phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ từ 05 năm đến 06 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen Moder TA 1203, có số Imei 357732107388537 và 01 sim thuê bao số 0879820237 của bị cáo Trần Ngọc S dùng liên lạc để mua ma túy.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong, ký hiệu 33/2021 có chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc M, Dương Minh T và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, bên trong có chứa ma túy loại Heroine, khối lượng còn lại sau giám định là 6,5198 gam; 01 túi nylon màu đen và 01 sợi dây thun màu vàng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Trần Ngọc S để đảm bảo thi hành án.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trả xe mô tô biển số 59S1-526.77 cho anh Trần Tấn T1 và trả lại 01 điện thoại hiệu Samsung J3 màu vàng đồng cho bị cáo Trần Minh Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người chứng kiến vắng mặt. Các bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử, đã được triệu hợp lệ và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản ghi lời khai người chứng kiến; kết luận giám định. Từ cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 07 giờ 45 phút ngày 10/4/2021, tại lộ Tam Dương, khu vực thuộc ấp E, xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an xã E, huyện C bắt quả tang Trần Ngọc S và Trần Minh Đ đang cất

giấu trái phép chất ma túy trong túi quần Jean phía trước, bên trái của Trần Ngọc S. Số ma túy trên, S và Đ cùng nhau đi mua về để cùng sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 33/2021/GĐMT ngày 13/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy loại: Heroine, khối lượng 7,1277 gam.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích sử dụng, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo Trần Ngọc S, Trần Minh Đ đã đủ yếu tố cấu thành về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố và phát biểu luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, không có câu kết chặt chẽ. Bị cáo S là người trực tiếp chủ động liên hệ với người bán ma túy, rủ bị cáo Đ cùng đi mua ma túy và trực tiếp cất giữ ma túy trong túi quần Jean. Xét vai trò bị cáo S cao hơn bị cáo Đ, do đó hình phạt của bị cáo S sẽ cao hơn bị cáo Đ là phù hợp.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Cả 02 bị cáo Trần Ngọc S, Trần Minh Đ đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Minh Đ có thêm tình tiết giảm nhẹ: có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có cậu ruột là liệt sĩ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, không chỉ ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương bị cáo phạm tội, mà còn gây tâm lý bất an cho quần chúng nhân dân, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì được niêm phong, ký hiệu 33/2021 bên trong có chứa ma túy loại Heroine, khối lượng còn lại sau giám định là 6,5198 gam là chất ma túy cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 túi nylon màu đen; 01 sợi dây thun màu vàng dùng để cất giấu ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen, model TA-1203, số IMEI: 357732107388537 và 01 sim số thuê bao 0379820237 của bị cáo Trần Ngọc S dùng liên lạc để mua ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Trần Ngọc S không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Samsung, model J3, màu vàng đồng của bị cáo Trần Minh Đ không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho bị cáo Trần Minh Đ xong nên ghi nhận.

- Đối với xe mô tô biển số 59S1-526.77 quá trình điều tra xác định là của anh Trần Tấn T1 được tặng cho từ ông Trần Đ. Anh T1 cho bị cáo Đ mượn sử dụng, không biết bị cáo Đ dùng xe để đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả xe mô tô biển số 59S1-526.77 cho anh Trần Tấn T1 xong nên ghi nhận.

[8] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S, Trần Minh Đ phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

[1] Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17. Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

-Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S **06 (Sáu) năm** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2021.

[2] Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

-Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ **05 (Năm) năm** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2021.

[3] Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong, ký hiệu 33/2021 bên trong có chứa ma túy loại Heroine, khối lượng còn lại sau giám định là 6,5198 gam; 01 túi nylon màu đen; 01 sợi dây thun màu vàng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen, model TA-1203, số IMEI: 357732107388537 và 01 sim số thuê bao 0379820237 của bị cáo Trần Ngọc S.

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc S số tiền 5.000.000 đồng.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại 01 điện thoại hiệu Samsung, model J3 màu vàng đồng cho bị cáo Trần Minh Đ; đã trả xe mô tô biển số 59S1-526.77 cho anh Trần Tấn T1 xong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C với Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre).

[3] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc S, bị cáo Trần Minh Đ, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b)
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã B(2b);
- Những người tham gia tố tụng (10b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thanh Tòng